

## THƠ NGUYỄN VỸ TRONG TIẾP NHẬN CỦA PHÊ BÌNH VĂN HỌC Ở MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1954 – 1975

**Trần Hoài Anh**

*Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*

*anhhoai1108@gmail.com*

*Ngày nhận bài: 6/4/2018; Ngày duyệt đăng: 17/12/2018*

### **Tóm tắt**

*Nguyễn Vỹ, một trong không nhiều gương mặt tiêu biểu của phong trào Thơ mới 1932 - 1945 vẫn còn tiếp tục sáng tác và hoạt động văn học ở miền Nam giai đoạn 1954 – 1975. Vì vậy, Nguyễn Vỹ và thơ của ông luôn được các nhà phê bình văn học quan tâm nghiên cứu. Bài viết Thơ Nguyễn Vỹ trong tiếp nhận của phê bình văn học ở miền Nam 1954 - 1975, đề cập đến hai vấn đề mà các nhà phê bình văn học ở miền Nam tập trung luận giải đó là: Nguyễn Vỹ - nhà thơ với những khát khao đổi mới và cách tân và Nguyễn Vỹ - nhà thơ với ý thức phản kháng và một cá tính sáng tạo. Đây cũng là những phẩm tính làm nên vũ trụ thơ Nguyễn Vỹ.*

**Từ khóa:** *Nguyễn Vỹ, phê bình văn học miền Nam, giai đoạn 1954-1975, đổi mới và cách tân, Cá tính sáng tạo*

### **Nguyen Vy's poem in the reception of literary criticism in South Vietnam the period 1954-1975**

#### **Abstract**

*Nguyen Vy, one of many typical faces of the new poetry movement from 1932 to 1945, continued writing and literary activities in South Vietnam the period 1954-1975. Therefore, Nguyen Vy and his poetry are always interested in literary critics. The Poems of Nguyen Vy in the reception of literary criticism in South Vietnam of 1954-1975, refers to two issues that southern literary critics have argued: Nguyen Vy - the poet with desire for innovation and innovation and Nguyen Vy - a poet with a sense of protest and a creative personality. These are the qualities that make up the poet Nguyen Vy.*

**Keywords:** *Nguyen Vy, literary criticism of the South, the period 1954-1975, innovation and innovation, Creative personalily*

### **1. Mở đầu**

Nguyễn Vỹ không chỉ là một trong những gương mặt thi ca tiêu biểu của phong trào Thơ mới những năm 1932-1945 mà còn là một trong những nhà thơ, nhà văn, nhà báo để lại những dấu ấn khá sâu sắc trong văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975. Nghiên cứu về Nguyễn Vỹ, đã có nhiều công trình đề cập đến như: *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh – Hoài Chân (2003); *Những khuynh hướng trong thi ca Việt Nam* của Minh Huy (1962); *Văn thi sĩ hiện đại* của Bàn Bá Lân (1962); *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, Nguyễn Tấn Long (1972); *Lược sử văn nghệ Việt Nam* của Thế Phong (1957)... Nhưng

nghiên cứu về sự tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ trong phê bình văn học ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 từ điểm nhìn của lý thuyết tiếp nhận văn học thì đây là bài viết đầu tiên.

Là một hiện tượng văn học khá phức tạp, khi nghiên cứu về sự tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ, chúng ta cũng gặp rất nhiều những sự tiếp nhận xuất phát từ những tầm đón đợi khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau ngay trong một chủ thể tiếp nhận. Vì thế, đọc thơ Nguyễn Vỹ, nghĩ về thơ Nguyễn Vỹ, tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ, có lẽ, chúng ta nên xuất phát từ điểm nhìn này, mới có thể cảm thông, chia sẻ với thi nhân về những gì mà ông đã lựa chọn như một tâm thức hiện sinh

trong những tháng năm hiện hữu của mình trên “cõi nhân gian hư ảo” này. Nếu chúng ta không có tấm lòng độ lượng biết “trông đến sáu cõi, nghĩ đến nghìn đời” e rằng, chúng ta sẽ khó thấu hiểu được con người thi sĩ. Bởi thế, Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* tuy rất khắt khe với Nguyễn Vỹ, đã phê phán ông với những lời khá mai mỉa, chua chát khi cho rằng: “Nguyễn Vỹ đã đến giữa làng thơ với chiêm trống xập xoèng inh cả tai. Chúng ta đổ nhau ra xem. Nhưng chúng ta lại chung hừng trở vào vì ngoài cái lối ăn mặc và những điệu bộ lố lăng lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì” (Hoài Thanh, Hoài Chân, 2003). Nhưng rồi, cũng chính Hoài Thanh, lại ngợi ca thi tài của Nguyễn Vỹ khi xác quyết: “Một bài như bài *Sương rơi* rất được nhiều người thích. Người ta thấy Nguyễn Vỹ đã sáng tạo ra một nhạc điệu riêng để tả một cái gì đang rơi. Cái gì đó có thể là những giọt sương cũng có thể là những giọt lệ hay những giọt gì vẫn rơi đều đều, chậm chậm trong lòng ta mỗi lúc vẩn vơ buồn ta đứng một mình trong lặng lẽ.” (Trần Hoài Anh, 2017) Còn với bài “Gửi Trương Tửu” thì Hoài Thanh cho rằng đó “mới thực là kiệt tác” và ông luận giải: “Nguyễn Vỹ đã làm bài thơ này trong một lúc vô cùng buồn giận vì cái nghiệp văn chương. Những ai cùng một cảnh huống xem thơ tưởng có thể khóc lên được” (Hoài Thanh và Hoài Chân, 2003).

Dẫn các ý kiến của nhà phê bình Hoài Thanh về Nguyễn Vỹ trong phần mở đầu bài viết, chúng tôi chỉ muốn khẳng định rằng, việc khen chê khi đánh giá một hiện tượng văn học là điều bình thường của quá trình tiếp nhận. Bài viết về tiếp nhận *Thơ Nguyễn Vỹ trong tiếp nhận của phê bình văn học ở miền Nam 1954 - 1975* cũng không nằm ngoài quy luật của trường tiếp nhận này, thể hiện qua các bình diện sau.

## 2. Nguyễn Vỹ - nhà thơ với những khát khao đổi mới và cách tân

Một trong những căn tính của người nghệ sĩ là sự khát khao sáng tạo. Bởi, là nghệ sĩ mà thiếu sáng tạo thì không thể tồn tại được và cái giá phải trả, đó là sự lãng quên trong tâm thức người tiếp nhận. Phải chăng, vì ý thức được điều hệ trọng và thiêng liêng này, nên Nguyễn Vỹ luôn

hướng đến sự đổi mới và cách tân trong thơ ca, cho dầu sự cách tân ấy có thể thành công hay thất bại, có được người đọc chấp nhận hay không!? Và cái “chí lớn” của Nguyễn Vỹ với tư cách là một thi sĩ có lẽ là cái khát khao đổi mới và cách tân này. Đây cũng là một phẩm tính của thơ Nguyễn Vỹ được các nhà phê bình văn học ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 chia sẻ, khi tiếp nhận thơ ông.

Trong tác phẩm *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX*, Lam Giang và Vũ Tiến Phúc (1970), khi nhận xét về hình thức thể hiện trong thơ Nguyễn Vỹ cho rằng Nguyễn Vỹ thuộc trường phái “náo nức cầu tân” tức là luôn có khát khao đổi mới hình thức thơ ca dân tộc, để thoát khỏi thi pháp cổ điển vốn không còn dung chứa được tâm thức văn hóa của con người, khi làn sóng văn hóa phương Tây cùng với lối sống đô thị tràn vào đời sống xã hội. Cảm hứng cách tân này thể hiện rất rõ trong tiêu thuyết, truyện ngắn, thơ ca của các trào lưu văn học giai đoạn 1932 - 1945 mà dấu ấn đậm nét nhất là trào lưu văn học lãng mạn với Tự lực Văn đoàn và phong trào Thơ mới. Vì vậy, khi nhận xét về sự cách tân trong thơ Nguyễn Vỹ, các tác giả cho rằng: “Đổi lập với thái cực bảo thủ của Quách Tấn là Nguyễn Vỹ, náo nức đi tìm cái mới đã du nhập lối thơ 12 chữ đúng như thơ Alexandrin của Pháp, nhưng sáng kiến này không thành công và chính Nguyễn Vỹ cũng đã kịp thời bỏ nó rơi vào vực tối quên lãng. (...)

Dài đã thất bại thì ngắn ắt thành công. Nguyễn Vỹ theo dấu Verlaine, thủy tổ của câu thơ nhạc, tạo ra lối thơ hai chữ. Bài “Sương rơi” cũng có công chứng minh thêm khả năng tạo nhạc của tiếng Việt. Điệu thơ là một thứ nhạc tượng thanh, êm êm, buồn buồn như những giọt mưa rơi trên mái nhà trong những đêm trường vắng vẻ: *Sương rơi/ Nặng trĩu/ Trên cành/ Dương liễu... Nhưng hơi/ Gió bắc/ Lạnh lùng Hiu hắt/ Thấm vào/ Em ơi!/ Trong lòng/ Hạt sương/ Thành một/ Vết thương...* Về lối thơ nhạc tượng thanh này, Nguyễn Vỹ còn có nhiều bài khác. Bài “Mưa trong tù” theo ý tác giả là những giọt lệ ngắn dài của một chiến sĩ cách mạng, âm hưởng của tiếng đàn trường đầu suốt mấy mùa thu: *Mưa róc rách/ Ngoài vách/ Mưa*

*tuôn/ Suốt đêm trường/ Mưa vương/ Lòng thương/ Quê hương/ Xa cách... Lòng khách/ Rẻo rắt/ Tơ buồn...*” (Lam Giang và Vũ Tiến Phúc, 1970).

Không dừng lại ở việc chiêu tuyết cho sự sáng tạo về hình thức thơ đã tạo nên một thứ nhịp điệu lạ thường so với thơ ca đương thời vốn vẫn chưa thoát ra khỏi khí quyển âm điệu của thơ ca truyền thống, các tác giả trong công trình nghiên cứu *Hồn thơ nước Việt* còn phản biện lại ý kiến của Hoài Thanh phê bình Nguyễn Vỹ là “chí lớn mà tài nhỏ nên hay lập dị, chứ thực sự ít có thành tích văn chương”. Theo họ, đây là một ý kiến võ đoán. Và để biện minh cho nhận định của mình trong việc phản biện lại quan điểm của Hoài Thanh, các tác giả *Hồn thơ nước Việt* đã xác quyết Nguyễn Vỹ là “người có công du nhập đầu tiên lối thơ nhạc vào thi đàn Việt Nam giữa lúc nhiều người chỉ chăm lo đả kích luật Đường, chứ chưa sáng tạo được một điệu thơ gì mới, cũng đáng cho chúng ta nhìn tác giả với một nhãn quan nhiều thiện cảm hơn” (Lam Giang và Vũ Tiến Phúc, 1970).

Và cũng trong trường tiếp nhận này, nhận xét về hành trình sáng tạo thơ của Nguyễn Vỹ, trong bối cảnh của phong trào Thơ mới (1932 - 1945) cũng như thơ ở miền Nam trước 1975, với tư cách, không chỉ là nhà phê bình văn học mà còn là một nhà thơ, Bằng Bá Lân cũng đã có những nhận định khách quan công bằng về thơ Nguyễn Vỹ. Chẳng hạn, khi nhìn lại những đánh giá có phần khắt khe của Hoài Thanh về thơ Nguyễn Vỹ trong *Thi nhân Việt Nam*, Bằng Bá Lân (1972) cho rằng những nhận xét của Hoài Thanh “là có phần quá đáng. Tôi không tin là Nguyễn Vỹ định lòe ai!. Giữa lúc phong trào Thơ mới đang bành trướng mạnh, các nhà Thơ mới đua nhau đi tìm những “chân trời mới”, những ý tưởng lạ, những hình thức phô diễn tân kỳ. Nhưng phần đông đều chịu ảnh hưởng nặng nề của văn chương Pháp nên người ta dù muốn dù không đã mượn nhiều ở cách cảm nghĩ và diễn tả của các nhà thơ Tây. Có người còn dịch phăng cả ý và lời của thơ Pháp như Xuân Diệu. Như vậy thì trong lúc xô bồ chạy theo cái mới ấy, Nguyễn Vỹ có bất chước thơ Alexandrin cũng

là thường, không đáng chỉ trích. Điều đáng nói và cần nói là Nguyễn Quân có thành công hay không? Thế thôi!”

Có thể nói, trong sự nao nức của buổi đầu tiếp nhận nền văn hóa và văn học phương Tây ở những năm đầu thế kỷ XX, việc các nhà văn, nhà thơ Việt Nam tiếp thu những thành tựu của thơ Pháp để sáng tạo nên một hình thức mới trong thơ ca dân tộc cũng là việc bình thường trong sự giao lưu, tiếp biến văn hóa, theo chúng tôi là nên khuyến khích chứ không nên bài xích. Vấn đề ở đây là tiếp biến như thế nào để vừa đảm bảo được yêu cầu hiện đại hóa nền văn học lại vừa giữ được những yếu tố tốt đẹp của truyền thống. Có lẽ cũng xuất phát từ tâm thức này, nên khi nhận định về tập thơ *Hoang Vu* của Nguyễn Vỹ, Bằng Bá Lân (1972) cho rằng: “thơ anh gồm đủ các thể - cũ có - mới có - nhưng tuyệt nhiên không có bài nào làm theo lối “mười hai chân” nữa. Có lẽ Nguyễn Quân cũng đã nhận thấy rằng thơ hay không cần chú trọng đến hình thức trình bày... Tuy nhiên anh không phải là người dễ bằng lòng với những cái có sẵn và luôn luôn muốn sáng tạo tìm tòi (...) Nguyễn Vỹ, một nhà thơ không thích nằm yên trong sáo cũ khuôn mòn.”

Sự sáng tạo trong nhạc điệu của thơ ca lúc bấy giờ được xem như một cách tân táo bạo của Nguyễn Vỹ để góp phần hiện đại hóa thơ ca dân tộc, đưa thơ ca nước nhà sớm thoát khỏi “khí quyển” của thơ ca trung đại. Đó cũng là ý kiến của Minh Huy (1962) khi tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ được trình bày trong tác phẩm *Những Khuynh hướng trong thi ca Việt Nam*, khi nhà nghiên cứu đã xếp Nguyễn Vỹ vào trường phái thơ tượng trưng và cho rằng: “Xuân Diệu chỉ có thoáng không khí tượng trưng của Verlaine và Rimbaud mà thôi. Huy Cận cũng vậy. Nguyễn Vỹ tuy viết: “Nhà văn An Nam khổ như chó” và tuy đã nói lên với khá nhiều chán nản và mỉa mai về cuộc đời của nhà văn, nhà báo thời tiền chiến: (...) Nhưng Nguyễn Vỹ lại gần với tác giả của “Jadis et Naguere” trong bài thơ hai tiếng “Sương rơi”: *Sương rơi/ Nặng trĩu/ Trên cành/ Dương liễu... Nhưng hơi/ Gió bắc/ Lạnh lùng/ Hiu hắt/ Thấm vào/ Em ơi!/ Trong lòng/ Hạt sương/ Thành một/ Vết thương...* Thơ là nhạc.

Lời thơ là lời nhạc cố tranh với nhạc, chập chờn mờ ảo”.

Nếu báo chí được Nguyễn Vỹ sử dụng như một vũ khí để chống lại bạo lực, cường quyền, thể hiện ước mơ về một xã hội tốt đẹp và nhân văn để chấp nhận những thăng trầm trong cuộc sống thì trong thơ, ông cũng là người mạnh dạn dẫn thân vào những chân trời mới lạ với một ý thức cách tân mà đương thời không phải ai cũng có thể chấp nhận. Tuy nhiên, với một cái nhìn khách quan, khoa học, sau bao biến động của đời sống văn học, khi nhìn lại hành trình sáng tạo thơ của Nguyễn Vỹ, Nguyễn Tấn Long (1972) cũng khẳng định cái chí hướng đổi mới và khao khát cách tân mang nét riêng của Nguyễn Vỹ như một hệ giá trị của thơ ông khi cho rằng: “Nguyễn Vỹ góp mặt vào làng thơ tiền chiến từ năm 1934, thời kỳ thơ mới đang hồi phát triển mạnh mẽ. Trong giai đoạn này, phần đông thi sĩ thường đem khung cảnh lãng mạn vào thi ca lấy chuyện tình ái làm đề tài, hay nói cách khác, đa số thi nhân đều lấy tình yêu làm bối cảnh và động lực chính cho đường hướng sáng tác của mình (... ) thì một Nguyễn Vỹ làm thơ với một tâm hồn phức tạp, kết tinh bằng những gì uất ức, căm hờn chua chát... Có thể nói Nguyễn Vỹ là nhà thơ không lấy tình yêu làm đối tượng, vì thế Nguyễn Vỹ có đường nét độc đáo riêng biệt.

Đọc Nguyễn Vỹ người ta cảm nhận điều gì mĩa mai chua chát hơn là ca tụng cảnh trời cao, biển rộng sông dài. Tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là sự tức tối như muốn phá vỡ cái gì trong hiện tại đang bị dồn ép, uất ức để nói lên nỗi thống khổ của kiếp người.” Chính vì nhận thức được sự “dồn ép, uất ức” và “để nói lên nỗi thống khổ của kiếp người” nên trong thơ Nguyễn Vỹ ta còn thấy thể hiện ý thức phản kháng và nổi loạn” của một thi nhân mang đậm cá tính sáng tạo. Đây cũng là vấn đề được các nhà phê bình văn học ở miền Nam trước 1975 nói đến trong quá trình tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ.

### 3. Nguyễn Vỹ - nhà thơ với ý thức phản kháng và một cá tính sáng tạo

Có thể nói, thơ Nguyễn Vỹ không chỉ chất chứa trong đó khát khao đổi mới và cách tân mà

còn thể hiện một ý thức phản kháng và “nổi loạn” của một tâm thức hiện sinh. Ý thức phản kháng và nổi loạn này chính là hệ quả của khát khao đổi mới cách tân trong thơ Nguyễn Vỹ. Vì thế, giá trị của thơ Nguyễn Vỹ trong cái nhìn của Nguyễn Tấn Long, không chỉ thể hiện ở khát vọng đổi mới và cách tân thơ Việt để vượt thoát những gì khuôn sáo, khắc nghiệt, gò bó của thơ ca trung đại mà còn chứa chất trong đó tinh thần phản kháng trước những bất công của cường quyền và bạo lực đối với chế độ xã hội đương thời trước những bi trạng của đất nước, quê hương. Và theo Nguyễn Tấn Long (1972): “Trong những ngày lao lung, Nguyễn Vỹ tạo nên những vần thơ tha thiết, chân thành của một con người khao khát ánh sáng vắng vặc của đêm trăng, thêm thuồng vùng vẫy trong khoảng không gian rộng lớn nhưng than ôi! Thực tế quá đắng cay: *Có Tự do là có Thần tiên/ Không có nó trần duyên là ngục thăm!! Từ Trà Khê say mê trong giấc đắm,/ Trên giường tù ai lệ đắm trong đêm!*” Chính vì vậy, khi nói về ý kiến của Hoài Thanh cũng như Thế Lữ phê phán thơ Nguyễn Vỹ tác giả *Việt Nam thi nhân tiền chiến* cho rằng: “Từ Hoài Thanh - Hoài Chân cho đến Thế Lữ (bút hiệu Lê Ta) đều phê bình theo lối riêng của mình mà không cần biết những cái hay của người, hay nói cách khác đó là lối phê bình một chiều.” (Nguyễn Tấn Long, 1972)

Và cũng trong trường tiếp nhận này, với cái nhìn tinh táo và khách quan, công bằng, tôn trọng tính khoa học và thực tiễn, Nguyễn Tấn Long đã phản biện ý kiến của nhà nghiên cứu Thế Phong (1957) trong tác phẩm *Lược sử văn nghệ Việt Nam*, khi Thế Phong cho rằng: “Sự nghiệp của ông Nguyễn Vỹ chỉ được một câu thơ trong bài *Gửi Trương Tửu* khiến cho người đời còn nhắc đến tên ông “Thi sĩ Việt Nam khổ như chó”. Nguyễn Tấn Long (1972) phản đối ý kiến này của Thế Phong bằng cách đặt vấn đề hết sức thuyết phục, trên cơ sở những chứng từ sáng tác của Nguyễn Vỹ khi xác quyết: “Các bạn sẽ hiểu ý nghĩa gì về câu nói của ông Thế Phong khi Nguyễn Vỹ đã viết: “Nhà văn An Nam khổ như chó” để trình bày một thực trạng lúc bấy giờ. (...)

Nếu quả thật Nguyễn Vũ là con số không hay con số một khi bàn đến lược sử Văn nghệ Việt Nam thì hãy gạt hẳn Nguyễn Vũ ra ngoài rìa văn giới nhưng đây chỉ là ý kiến cá nhân, còn đối với công luận quần chúng, người ta vẫn không thể phủ nhận sự hiện diện của Nguyễn Vũ trong văn học... Sẽ có người cho rằng chúng tôi vì Nguyễn Vũ mà bênh vực. Thật ra, trong khi tham khảo những tài liệu thời tiền chiến, chúng tôi đã thấy và hiểu, rồi cố lấy tinh thần khách quan để làm sáng tỏ một vấn đề với mục đích đem trả lại một sự thật cho một sự thật.”

Có lẽ vì cái tinh thần khách quan để “làm sáng tỏ một sự thật” mà Nguyễn Tấn Long đã đặt vấn đề tranh luận với Thê Phong về những điều đã đánh giá thiếu khách quan, thiếu thực tế về Nguyễn Vũ trong công trình *Lược khảo văn nghệ Việt Nam* (Thê Phong, 1957). Đây cũng là tâm nguyện của nhiều nhà văn, nhà phê bình văn học ở miền Nam trước 1975 và cũng là điều mà công chúng tiếp nhận thơ Nguyễn Vũ hướng đến. Vì vậy, trong tác phẩm *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, để làm rõ chân tài về sự sáng tạo trong thơ của Nguyễn Vũ, Nguyễn Tấn Long cũng luận bàn về tập thơ *Hoang Vu*<sup>1</sup>, qua việc trích dẫn ý kiến bình luận của nhà văn Thiết Mai trong tác phẩm *Sáng dội miền Nam* mà theo Nguyễn Tấn Long (1972) là “tương hợp phần lớn với khuynh hướng thi ca của Nguyễn Vũ (...) Tài làm thơ của Nguyễn Vũ đã biểu lộ cho ta thấy trong sự cấu tạo dễ dàng, không gò ép và tính cách lưu loát của câu thơ, sự tiếp diễn liên tục của ý thơ, tài gieo vần và nhất là ý tứ thâm trầm, mỉa mai sâu sắc, hay ý nhị, đa tình của những câu thơ.”

Để chỉ rõ cơ sở văn hóa và tư tưởng triết mỹ tác động đến quá trình sáng tạo nhằm hình thành phong cách thơ Nguyễn Vũ với tư cách là một thi nhân luôn khát khao đổi mới, cách tân, hướng đến một “cuộc cách mạng thi ca” như Hoài Thanh đã nói đến ở bài tiểu luận: “Một thời đại mới trong thi ca”, trong *Thi nhân Việt Nam*, Thiết Mai cho rằng: “Nguyễn Vũ chịu ảnh hưởng hai văn hóa, hai làn tư tưởng Đông và Tây nên

Nguyễn Vũ đã làm được cả các lối thơ Đường, thơ cổ điển và thơ mới. Trong loại sau này, điều đáng chú ý là Vũ như muốn đưa những thể mới, có tác dụng xúc cảm, có âm điệu du dương, hợp tình để gọi tình và tả chân mạnh hơn. Thể mới ấy được thấy trong các bài thơ: *Sương rơi*, *Mưa rào*, *Tiếng chuông chùa* v.v... (...)

Về ý thơ, Nguyễn Vũ quả thật đã có nhiều ý tưởng, nhiều câu văn rất táo bạo (*Hai người điên*, *Hai con chó*, *Trăng*, *Chó*, *Tù*, *Đêm trình* v.v...). Nhưng theo ý riêng tôi những ý tưởng, những câu văn táo bạo ấy vẫn là những lời độc đáo đưa Nguyễn Vũ ra khỏi lối thường tình và cổ điển của các nhà thơ và cũng tỏ cho ta thấy rằng Vũ là con người có nội tâm cứng rắn, thành thật, dám biểu lộ tâm tư mình bằng những hình ảnh thiết thực do lòng mình suy tưởng...” (Nguyễn Tấn Long, 1972).

Với một tâm đón đợi riêng có của nhà nghiên cứu phê bình văn học, sự đồng cảm giữa Nguyễn Tấn Long và Thiết Mai khi nhìn nhận giá trị thơ Nguyễn Vũ, không chỉ thể hiện ở sự viện dẫn những ý kiến của Thiết Mai trong phần tiểu luận viết về Nguyễn Vũ trong công trình nghiên cứu khá công phu *Việt Nam thi nhân tiền chiến* mà còn thể hiện ở những nhận định của Nguyễn Tấn Long về nội dung tư tưởng và nghệ thuật thơ Nguyễn Vũ qua diễn ngôn: “với ý thơ trở nên thâm trầm, tình thơ thiên nặng về quê hương, đất nước; đôi bài len lỏi vào địa hạt tôn giáo, tư tưởng bắt đầu ngấm mùi đạo.” mà theo Nguyễn Tấn Long trong sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Vũ “Ngoài những bài thơ trào phúng về thể sự còn mang tính chất mỉa đời (trong *tập Thơ lên ruột*), chúng tôi nhận thấy trong *Hoang vu* tiếng thơ của Nguyễn Vũ những lúc sau này như trút bớt đi nỗi căm hờn, phẫn uất, giọng thơ không còn gay gắt, ý thơ trở nên thâm trầm, tình thơ thiên nặng về quê hương, đất nước; đôi bài len lỏi vào địa hạt tôn giáo tư tưởng bắt đầu ngấm mùi đạo. Phải chăng đây là cái tâm lý chung của người đời hay dọn sẵn một khoảng đất trống cho tâm linh khi cái thân xác vật chất của mình sắp bị hủy diệt. Nguyễn Vũ nói: *Nếu ta biết một khu trời*

<sup>1</sup> Nguyễn Vũ (1962). *Hoang Vu*. Phổ thông Tùng thư ấn

hành, Sài Gòn.

*Vạn hạnh/ Trăng không tàn mà hoa cũng không trôi (Đêm sầu về)*” (Nguyễn Tấn Long, 1972)

Và khi kết thúc phần phê bình về sự nghiệp văn chương của Nguyễn Vỹ trong tiểu luận này, Nguyễn Tấn Long hơn một lần đã khẳng định văn tài và nhân cách của Nguyễn Vỹ khi ông xác quyết: “Chúng ta thấy Nguyễn Vỹ là một nhà thơ có thực tài. Ông dám trình bày một cách trung thực tư tưởng của mình, nói lên nỗi uất ức, bất công của kiếp người. Nguyễn Vỹ có cái nhìn thường xuyên vào thực trạng xã hội, theo dõi những màu sắc biến đổi của nhịp sống dân tộc đã chịu nhiều thảm họa, hòa lẫn vào đáy tình yêu thương đồng loại, tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là tiếng nói chân thành phát xuất tự con người còn nghĩ đến quê hương” (Nguyễn Tấn Long, 1972).

Những điều Nguyễn Tấn Long đã khẳng định về Nguyễn Vỹ trong công trình *Việt Nam thi nhân tiền chiến* cũng được Tuần Lý Huỳnh Khắc Dụng xác quyết khi trình bày những suy cảm của mình trước sự ra đi đột ngột của Nguyễn Vỹ: “Một nhân tài đã ra đi! Trời Nam Việt một ngôi sao đã tắt! Nguyễn Vỹ ơi còn đâu những câu thơ nhí nhảnh của Diệu Huyền mà Tuần Lý này đã từng cợt gọi “nữ sĩ tóc đuôi gà”. Gọi anh Vỹ là một nhân tài, không có chi là quá đáng. Thật vậy tôi chưa hề đọc một bài thơ mới nào hay bằng những bài thơ trong quyển “Hoang Vu” mà Nguyễn Vỹ đã từng nhờ tôi và giáo sư Cổn bên Pháp dịch ra thơ Tây. Nguyễn Vỹ là một thi hào khả ái, viết gọn, có duyên, dí dỏm” (Tuần Lý Huỳnh Khắc Dụng, 1972). Và cũng đề cập đến những thành công về tập thơ *Hoang Vu* của Nguyễn Vỹ từ sự tiếp nhận của một người đọc, Ngọa Long trên Nhật báo *Đuốc Nhà Nam* số 905 ra ngày chủ nhật 19-12-1971 cho rằng điều thú vị và bất ngờ của ông khi khám phá thi giới trong tập thơ *Hoang Vu* của Nguyễn Vỹ mà theo ông “Nếu Hàn Mặc Tử là nhà thơ của TRẮNG thì Nguyễn Vỹ là nhà thơ của ĐÊM, của những đêm dài buồn từ trong tâm khảm.

Tập thơ có 50 bài mà hầu hết là những bài tức cảnh về “ĐÊM” như *Tiếng Sáo Đêm Khuya, Đêm Mùa Xuân Về, Hương Giang Dạ Khúc, Sài Gòn Đêm Khuya, Tiếng Súng Đêm, Đêm Sầu về, Xuân Dạ, Đêm Trinh...* Đó là không kể các bài

thơ khác như *Tiếng Chuông Chùa, Swong Roi, Đôi Bóng, Duyên Trăng, Mưa Rào, Cô Đơn...* tác giả đều lấy cảm hứng trong cảnh tối” (Ngọa Long, 1972). Phải chăng, đây chính là một hệ giá trị để cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Vỹ sống lâu bền trong tâm thức của mọi thế hệ người đọc cho dù cuộc sống có trải qua bao biến cải của cảnh “thương hải biến vi tang điền”.

Thơ Nguyễn Vỹ, vì vậy không phải là thơ chỉ để thể hiện những xúc cảm trước thiên nhiên của một thi nhân dấu mình trong chốn “điền viên” để vui thú mà thơ ông luôn mang nặng một nỗi “sầu vạn cổ” với những ưu lo, khắc khoải của một người nghệ sĩ trước cõi nhân sinh. Chính vì vậy, cho dù trong quá trình tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ, vẫn còn có những ý kiến khác nhau nhưng thơ ông vẫn có một chỗ đứng xứng đáng trong lịch sử văn học nước nhà và luôn được người đọc trân quý, yêu mến. Đó chẳng phải là niềm hạnh phúc và vinh hạnh cho thi nhân đó sao?

#### 4. Kết luận

Cuộc đời của con người là hữu hạn, không ai có thể vượt qua sự hữu hạn đó cho dầu là thiên tài nhưng những gì thuộc về nhân cách văn hóa, tấm lòng đối với con người, với dân tộc, với đất nước quê hương được thể hiện qua những sáng tạo của người nghệ sĩ, sống dần thân, dám đấu tranh chống lại bạo lực, cường quyền - nơi cội nguồn sinh ra cái ác, cái xấu, cái bất công, cái thấp hèn, cái đê tiện thì sẽ đi vào cõi bất tử, cho dù có thể trải qua những chìm nổi trong giông bão cuộc đời. Phải chăng, đây cũng là một khao khát mà mọi nghệ sĩ chân chính đều hướng tới trong đó có nhà thơ Nguyễn Vỹ.

Nguyễn Vỹ xuất hiện trên văn đàn không phải chỉ với tư cách nhà thơ mà còn với tư cách nhà biên khảo, dịch thuật, nhà báo, nhà hoạt động xã hội mà ở lĩnh vực nào ông cũng có những đóng góp nhất định cho nước nhà. Nhưng có lẽ cái còn lại trong tâm thức và tâm cảm của người đọc khi đến với Nguyễn Vỹ chính là thơ ca vì ở đó thể hiện rõ khát vọng cách tân và đổi mới của ông trong việc góp phần hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Không những thế, Nguyễn Vỹ còn là một nhà thơ có cá tính sáng tạo độc đáo luôn bút phá và vượt lên chính mình, không

bao giờ muốn đóng khung trong một cái khuôn có sẵn. Vì vậy, trong quá trình tiếp nhận thơ ông luôn tồn tại những ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Song, đây là điều bình thường trong tiếp nhận văn học. Bởi khi tầm đón đợi của người đọc khác nhau, tồn tại trong những trường tiếp nhận khác nhau thì việc có những ý kiến khác nhau đối với một hiện tượng văn học là điều tất yếu. Và điều này đã thể hiện rõ trong quan điểm của các nhà phê bình văn học ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 khi tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ mà bài viết này là một minh chứng.

Hiểu được điều này chúng ta sẽ bình tâm hơn trong việc tiếp nhận các hiện tượng văn học, nhất là các hiện tượng văn học có những ý kiến trái chiều và đây cũng là những hệ giá trị mà mỹ học tiếp nhận hiện đại mang đến cho đời sống lý luận phê bình văn học. Bởi, theo quan điểm của mỹ học tiếp nhận, lịch sử văn học chính là lịch sử của tiếp nhận văn học. Nghiên cứu về quá trình tiếp nhận thơ Nguyễn Vỹ trong phê bình văn học ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 cũng là để giúp chúng ta thấy rõ hơn giá trị riêng có

của thơ Nguyễn Vỹ cũng như vị trí của thi nhân trong lịch sử văn học nước nhà.

### Tài liệu tham khảo

- Tuần Lý Huỳnh Khắc Dụng (1972). Số đặc biệt tưởng niệm cố thi sĩ Nguyễn Vỹ. *Tạp chí Thăng Bờm*, 86, tr.2.
- Lam Giang và Vũ Tiến Phúc (1970). *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX*. Sài Gòn, Sơn Quang xuất bản, tr.152-157.
- Minh Huy (1962). *Những Khuynh hướng trong thi ca Việt Nam*. Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, tr. 133-134.
- Bàng Bá Lân (1962). *Văn thi sĩ hiện đại*. Sài Gòn, Nxb. Xây Dựng, tr.143-151.
- Nguyễn Tấn Long (1972). *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, Quyển thượng. Sài Gòn, Sống Mới Xuất bản.
- Ngoạ Long (1972). Số đặc biệt tưởng niệm cố thi sĩ Nguyễn Vỹ. *Tạp chí Thăng Bờm*, 86, tr.16.
- Thế Phong (1957). *Lược sử văn nghệ Việt Nam*. Sài Gòn.
- Hoài Thanh, Hoài Chân (2003). *Thi nhân Việt Nam*. Hà Nội, Nxb. Văn học, tr.106-108.